|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN 18 Khối 5 (Từ ngày 8/1/2024 đến ngày 12/1/2024)** | | | | | | |
|  | | | | | | |
| **THỨ** | **TIẾT** | **MÔN** | **TIẾT THỨ** | **NỘI DUNG BÀI DẠY** | **UDCNTT** | **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** |
| Hai 8/1 | 1 | GDTT | 31 | Chào cờ |  | PHT |
| 2 | Tập đọc | 35 | Ôn tập: tiết 1 | Trình chiếu | Máy tính |
| 3 | Toán | 86 | Hình tam giác | Soi bài | Máy soi |
| 4 | Lịch sử |  |  |  |  |
| 5 | TV(BS) | 31 | Ôn LTVC | Trình chiếu | Máy tính, ti vi. |
| 6 | Toán (BS) | 31 | Luyện tập | Trình chiếu | Máy tính, ti vi. |
| 7 | Thể dục | 35 | Đi đều vòng trái, đổi chân khi đi đều sai nhịp TC: “Chạy tiếp sức theo vòng tròn” |  | Còi |
| Ba 9/1 | 1 | Đạo đức |  |  |  |  |
| 2 | Chính tả | 18 | Ôn tập: tiết 2 | Soi bài | Máy soi |
| 3 | Toán | 87 | Diện tích hình tam giác | Trình chiếu | Máy tính |
| 4 | LTVC | 35 | Ôn tập: tiết 3 |  | PHT |
| 5 | NN |  |  |  |  |
| 6 | LTVC | 36 | Ôn tập: tiết 4 |  | PHT |
| 7 | TV(BS) | 32 | Ôn TLV |  |  |
| Tư 10/1 | 1 | Kể chuyện | 18 | Ôn tập: tiết 5 |  |  |
| 2 | Toán | 88 | Luyện tập | Soi bài | Máy soi |
| 3 | Tập đọc | 36 | Ôn tập: tiết 5 | Trình chiếu | Máy tính |
| 4 | Khoa học |  |  |  |  |
| 5 | Thể dục | 36 | Sơ kết học kì 1 |  | Còi |
| 6 | Âm nhạc |  |  |  |  |
| 7 | Kĩ thuật |  |  |  |  |
| Năm 11/1 | 1 | TLV | 35 | Ôn tập: tiết 7 |  |  |
| 2 | Toán | 89 | Luyện tập chung | Trình chiếu | Máy tính |
| 3 | Mĩ thuật |  |  |  |  |
| 4 | Địa lý |  |  |  |  |
| 5 | Toán (BS) | 32 | Luyện tập | Soi bài | Máy soi |
| 6 | Khoa học |  |  |  |  |
| 7 | Đọc sách | 16 | Đọc những câu chuyện viết về việc làm tốt của thiếu nhi |  | Sách theo chủ đề |
| Sáu 12/1 | 1 | NN |  |  |  |  |
| 2 | Toán | 90 | Hình thang | Soi bài | Máy soi |
| 3 | TLV | 36 | Ôn tập: tiết 8 |  | Tranh ảnh |
| 4 | GDTT | 32 | Sinh hoạt lớp |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |

**TUẦN 18**

**Thứ Hai ngày 8 tháng 1 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 1: Giáo dục tập thể**

**CHÀO CỜ**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2: Tập đọc**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** - Lập được bảng thống kê các bài tập đọc trong chủ điểm *Giữ lấy màu xanh* theo yêu cầu của BT2 .

- Biết nhận xét về nhân vật trong bài đọc theo yêu cầu của BT3 .

- Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .

- HSHTT đọc diễn cảm bài thơ, bài văn; nhận biết được một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài .

**2. Năng lực:**  Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, phiếu ghi tên các bài tập đọc, máy tính, ti vi

- Học sinh: Sách giáo khoa

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS chơi trò chơi"Truyền điện": Kể tên các bài tập đọc đã học trong chương trình.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động kiểm tra đọc: (15 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .  - HS( M3,4) đọc diễn cảm bài thơ, bài văn; nhận biết được một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài.  *\* Cách tiến hành*  - Yêu cầu HS lên bảng gắp phiếu bài học  - Yêu cầu HS đọc bài  - GV nhận xét | - Lần lượt HS gắp thăm  - HS đọc và trả lời câu hỏi |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (15 phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Lập được bảng thống kê các bài tập đọc trong chủ điểm *Giữ lấy màu xanh* theo yêu cầu của BT2 .  - Biết nhận xét về nhân vật trong bài đọc theo yêu cầu của BT3 .  *\* Cách tiến hành:*  **Bài 2: Cá nhân**  - Học sinh đọc yêu cầu  - Cần thống kê các bài tập đọc theo nội dung như thế nào?  + Hãy đọc tên các bài tập đọc thuộc chủ đề *Giữ lấy màu xanh?*  + Như vậy cần lập bảng thống kê có mấy cột dọc, mấy hàng ngang  - Yêu cầu HS tự làm bài rồi chia sẻ | - HS đọc yêu cầu của bài  - Cần thống kê theo nội dung  Tên bài - tác giả - thể loại  + Chuyện một khu vườn nhỏ  + Tiếng vọng  + Mùa thảo quả  + Hành trình của bầy ong  + Người gác rừng tí hon  + Trồng rừng ngập mặn  + 3 cột dọc: tên bài - tên tác giả - thể loại, 7 hàng ngang  - Lớp làm vở, chia sẻ |
| **Bài 3: Cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài rồi chia sẻ  - Gợi ý: Nên đọc lại chuyện: Người gác rừng tí hon để có nhận xét chính xác về bạn.  - GV nhắc HS: Cần nói về bạn nhỏ - con người gác rừng - như kể về một người bạn cùng lớp chứ không phải như nhận xét khách quan về một nhân vật trong truyện.  - Yêu cầu HS đọc bài của mình  - GV nhận xét | - HS đọc  - HS làm bài cá nhân sau đó chia sẻ  - 3 HS tiếp nối nhau đọc bài làm của mình |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:** (4 phút)  - Em biết nhân vật nhỏ tuổi dũng cảm nào khác không ? Hãy kể về nhân vật đó.  - Về kể lại câu chuyện đó cho người thân nghe. | - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3: Toán**

**HÌNH TAM GIÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Đặc điểm của hình tam giác có: ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.

- Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc)

- Nhận biết đáy và đường cao (tương ứng) của hình tam giác.

**-** Rèn học sinh vẽ đường cao nhanh, chính xác.

- HS làm bài 1, 2.

**2. Năng lực**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- GV: SGK: Các hình tam giác như SGK; Êke, máy soi

- HS : SGK, bảng con, vở, ê ke

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Kĩ thuật đặt và trả lời câu hỏi.

- Kĩ thuật trình bày một phút, kĩ thuật động não...

- Vấn đáp, quan sát, thảo luận nhóm, thực hành…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5 phút)**  - Chia HS thành các đội, thi nhau xếp nhanh 6 que tính để được: 1 hình tam giác, 2 hình tam giác, 4 hình tam giác.. theo yêu cầu của quản trò.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài- Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)**  *\*Mục tiêu:*Biết:  - Đặc điểm của hình tam giác có: ba cạnh, ba đỉnh, ba góc.  - Phân biệt 3 dạng hình tam giác (phân loại theo góc)  - Nhận biết đáy và đường cao (tương ứng) của hình tam giác.  *\*Cách tiến hành****:***  *Giới thiệu đặc điểm của hình tam giác*  - GV vẽ lên bảng hình tam giác ABC và yêu cầu HS nêu rõ :  + Số cạnh và tên các cạnh của hình tam giác ABC.  + Số đỉnh và tên các đỉnh của hình tam giác.  + Số góc và tên các góc của hình tam giác ABC.  - Như vậy hình tam giác ABC là hình có 3 cạnh, 3 góc, 3 đỉnh.  *Giới thiệu ba dạng hình tam giác.*  - GV vẽ lên bảng 3 hình tam giác như SGK và yêu cầu HS nêu rõ tên các góc, dạng góc của từng hình tam giác.  + Hình tam giác ABC có 3 góc nhọn.  A  B C  *Hình tam giác có 3 góc nhọn*  + Hình tam giác EKG có 1 góc tù và hai góc nhọn. K  E G  *Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn.*  + Hình tam giác MNP có 1 góc vuông.  N  M P  *Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn(tam giác vuông)*  - GV giới thiệu : Dựa vào các góc của các hình tam giác, người ta chia các hình tam giác làm 3 dạng hình khác nhau đó là :  + Hình tam giác có 3 góc nhọn.  + Hình tam giác có một góc tù và hai góc nhọn.  + Hình tam giác có một góc vuông và hai góc nhọn.  - GV vẽ lên bảng một số hình tam giác có đủ 3 dạng trên và yêu cầu HS nhận dạng từng hình.  *Giới thiệu đáy và đường cao của hình tam giác.*  A  B C  H  - GV giới thiệu: Trong hình tam giác ABC có: + BC là đáy.  + AH là đường cao tương ứng với đáy BC.  + Độ dài AH là chiều cao.  - GV yêu cầu: Hãy quan sát hình và mô tả đặc điểm của đường cao AH. | - 1 HS lên bảng vừa chỉ vào hình vừa nêu. HS cả lớp theo dõi và bổ xung ý kiến.  + Hình tam giác ABC có 3 cạnh là :  cạnh AB, cạnh AC, cạnh BC.  + Hình tam giác ABC có ba đỉnh là: đỉnh A, đỉnh B, đỉnh C.  + Hình tam giác ABC có ba góc là :  Góc đỉnh A, cạnh AB và AC (góc A)  Góc đỉnh B, cạnh BA và BC ( góc B)  Góc đỉnh C, cạnh CA và CB (góc C)  - HS quan sát các hình tam giác và nêu :  + Hình tam giác ABC có 3 góc A, B, C đều là góc nhọn.  + Hình tam giác EKG có góc E là góc tù và hai góc K, G là hai góc nhọn.  + Hình tam giác MNP có góc M là góc vuông và hai góc N, P là 2 góc nhọn.  - HS nghe.  - HS thực hành nhận biết 3 dạng hình tam giác.  - HS quan sát hình.  - HS cùng quan sát, trao đổi và rút ra kết luận: đường cao AH của tam giác ABC đi qua đỉnh A và vuông góc với đáy BC. |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành: *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:*  - Vận dụng được kiến thức làm được các bài tập có liên quan.  - HS làm bài 1, 2.  *\*Cách tiến hành:*  **Bài 1: Cá nhân**  - GV gọi HS đọc đề bài toán và tự làm.  - GV gọi HS chia sẻ kết quả  - GV nhận xét    Tam giác ABC có Trong tam giác DEG Tam giác MNK có:  3 góc A, B, C 3 góc là góc D, E, G 3 góc là góc M, N, K  3 cạnh: AB, BC, CA 3 cạnh: DE, EG, DG 3 cạnh: MN, NK, KM  **Bài 2: Cá nhân**  - GV yêu cầu HS quan sát hình, dùng êke kiểm tra và nêu đường cao, đáy tương ứng của từng hình tam giác.  - GV nhận xét    Tam giác ABC có đường Tam giác DEG có đường Tam giác MPQ có đường cao CH cao DK cao MN  **Bài 3(M3,4): Cá nhân**  - Cho HS đọc bài, quan sát tự làm bài  - GV quan sát giúp đỡ HS  - HS chia sẻ trước lớp kết quả  a) Hình tam giác ADE và hình tam giác EDH có 6 ô vuông và 4 nửa ô vuông. Hai hình tam giác đó có diện tích bằng nhau.  b) Tương tự : Hai hình tam giác EBC và EHC có diện tích bằng nhau.  c) Từ a và b suy ra diện tích hình chữ nhật ABCD gấp 2 lần diện tích hình tam giác EDC. | |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (3 phút)**  - Hình tam giác có đặc điểm gì ?  - Về nhà tập vẽ các loại hình tam giác và 3 đường cao tương ứng của chúng | - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

***Chiều***

**Tiết 5: Tiếng Việt ( bổ sung)**

**ÔN LUYỆN TỪ VÀ CÂU**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

***1. Kiến thức***: Tiếp tục củng cố kiến thức cho học sinh về từ đồng nghĩa, từ nhiều nghĩa.

***2. Kĩ năng***: Rèn kĩ năng thực hiện các bài tập củng cố và mở rộng.

***3. Thái độ***: Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

**1. Giáo viên:**Máy tính,ti vi

**2. Học sinh:** Đồ dung học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động rèn luyện của giáo viên*** | ***Hoạt động học tập của học sinh*** |
| **1. Hoạt động khởi động (5 phút):**  - Ổn định tổ chức  - Giới thiệu nội dung rèn luyện.  **2. Các hoạt động chính:** | - Hát  - Lắng nghe. |
| ***a. Hoạt động 1: Giao việc (5 phút):***  - Giáo viên giới thiệu các bài tập trên bảng phụ. yêu cầu học sinh trung bình và khá tự chọn đề bài.  - Giáo viên chia nhóm theo trình độ.  - Phát phiếu luyện tập cho các nhóm. | - Học sinh quan sát và chọn đề bài.  - Học sinh lập nhóm.  - Nhận phiếu và làm việc. |
| ***b. Hoạt động 2: Thực hành ôn luyện (20 phút):*** |  |
| **Bài 1.** Dựa vào các tính từ dưới đây, tìm thêm những thành ngữ so sánh: *xanh, vàng, trắng, xấu, đẹp, cứng, lành, nặng, nhẹ, vắng, đông, nát*.  Mẫu: Chậm: Chậm như rùa.  Bài 2. Chỉ ra từ không giống các từ khác trong nhóm (gợi ý: từ đồng nghĩa):  a) xanh ngắt, xanh thẳm, xanh xao, xanh biếc.  b) tổ quốc, tổ tiên, đất nước, non sông.  c) đỏ au, đỏ bừng, đỏ ửng,.  d) hoà bình, hoà tan, hoà thuận, hoà hợp.  đ) róc rách, thì thầm, lách tách, rì rào.  e) giáo viên, học sinh, sinh viên, bạn bè.  g) thành tích, thành thực, thành thật, trung thực.  Bài 3. Xác định nghĩa gốc và nghĩa chuyển của các từ có trong các kết hợp dưới đây:  a) Ngọt: cam ngọt, nói ngọt, đàn ngọt, rét ngọt.  b) Cứng: lí lẽ cứng, cứng như thép, tê cứng, lực học cứng.  c) Ăn: ăn đòn, ăn nắng, ăn ảnh, ăn cơm.  d) Chạy: chạy ăn, ôtô chạy, chạy nhanh, đồng hồ chạy.  e) Đi: tôi đi bộ, đi ôtô, đi học, đi công tác.  c. Hoạt động 3: Sửa bài (10 phút):  - Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.  3. Hoạt động nối tiếp (3 phút):  - Yêu cầu học sinh tóm tắt nội dung rèn luyện.  - Nhận xét tiết học.  - Nhắc nhở học sinh chuẩn bị bài. | **Đáp án**  Xanh như tàu lá. Vàng như nghệ. Trắng như trứng gà bóc. Xấu như ma lem. Đẹp như tiên. Cứng như thép. Lành như bụt. Nặng như đá đeo. Nhẹ như bấc. Vắng như chùa Bà Đanh. Nát như tương Bần. Đông như kiến cỏ.  Đáp án  - xanh xao.  - tổ tiên.  - đỏ đắn.  - hoà tan  - thì thầm  - bạn bè  - thành tích  Đáp án  a) Nghĩa gốc: cam ngọt; còn lại là nghĩa chuyển.  b) Nghĩa gốc: cứng như thép; còn lại là nghĩa chuyển.  c) Nghĩa gốc: ăn cơm; còn lại là nghĩa chuyển.  d) Nghĩa gốc: chạy nhanh; còn lại là nghĩa chuyển.  e) Nghĩa gốc: tôi đi bộ; còn lại là nghĩa chuyển.  - Các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.  - Học sinh phát biểu. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 6: Toán ( bổ sung)**

**LUYỆN TẬP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

- Rèn kĩ năng giải toán về tỉ số phần trăm

**2. Năng lực:**Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Máy tính

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**1. Khởi động**

**HS chơi trò chơi “ Truy tìm ẩn số”**

**Câu 1.** Tìm x x : 3,5 = 4,3 - 3,22

**A.** x = 37,8 B. 3,78 C. 378 D.0,378

**2. Luyện tập**

*Khoanh vào chữ cái đặt trước đáp án đúng*

**Bài 1.** Tìm số phần trăm của 26,854 và 58 là:

A. 4,63% B. 46,3% C. 463% D. 0,463%

**Bài 2.** Trong dịp Tết trồng cây xã A phải trồng 1520 cây. Nhưng xã A đã trồng được 2052 cây. Hỏi xã A đã vượt mức bao nhiêu phần trăm kế hoạch?

A. 0,35% B. 3,5% C. 35% D. 135%

**Bài 3.** Một cửa hàng có 2100m vải, trong đó có 40% là vải hoa. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu mét vải hoa?

**Bài 4.** Lãi suất tiết kiệm một tháng là 0,68% một tháng nếu gửi tiết kiệm

là 50 000 000 đồng thì lãi suất thu được sau một tháng là bao nhiêu?

**Bài 5.** Một đội công nhân tham gia sửa đường và đã sửa được 780m đường và bằng 65% kế hoạch. Hỏi theo kế hoạch đội công nhân phải sửa bao nhiêu mét đường?

**3. Củng cố, vận dụng**

- Nêu cảm nhận về tiết học

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 7: Thể dục**

**ĐI ĐỀU VÒNG PHẢI, VÒNG TRÁI, ĐỔI CHÂN KHI ĐI ĐỀU SAI NHỊP**

**TRÒ CHƠI: CHẠY TIẾP SỨC THEO VÒNG TRÒN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Thực hiện được động tác đi đều vòng phải, vòng trái, cách đổi chân khi đi đều sai nhịp.

- Chơi trò chơi"Chạy tiếp sức theo vòng tròn". YC biết cách chơi và tham gia chơi được.

**2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực**

**2.1.** Phát triển các năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực thể chất

**2.2.** Phát triển các phẩm chất:

- Phẩm chất trung thực, phẩm chất chăm chỉ

**II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: sân trường.

- Phương tiện: còi...

- Dự kiến PP: quan sát, làm mẫu, luyện tập…

**III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Định**  **lượng** | **PH/pháp và hình thức tổ chức** |
| **I.Mở đầu:**  - GV nhận lớp, phổ biến nội dung yêu cầu bài học.  - HS chạy chậm thành 1 hàng dọc trên địa hình tự nhiên xung quanh sân tập.  - Ôn các động tác của bài thể dục đã học.  - Trò chơi"Số chẳn số lẽ". | 1-2p  100 m  2lx8nh  1p | X X X X X X X X  X X X X X X X X  △ |
| **II.Cơ bản:**  - Ôn đi đều vòng phải, vòng trái và đổi chân khi đi đều sai nhịp.  Chia lớp thành các tổ tập luyện theo khu vực đã qui định.Các tổ trưởng điều khiển tổ của mình tập.  GV quan sát để sửa sai hoặc giúp đỡ HS thực hiện chưa tốt.  - Thi đi đếu theo 2 hàng dọc, lần lượt từng tổ lên thực hiện.  - Chơi trò chơi"Chạy tiếp sức theo vòng tròn".  GV nhắc lai cách chơi rồi mới cho HS chơi. | 10-12p  2-5p  1 lần  6-8p | X X X X X X X X  X X X X X X X X  △  C  o  o  o  o o  A o o B  △ |
| **III.Kết thúc:**  - Đi thường theo nhịp và hát.  - GV cùng HS hệ thống bài và nhận xét, đánh giá kết quả bài học.  - Về nhà ôn động tác đi đều | 1-2p  2-3p  1p | X X X X X X X X  X X X X X X X X  △ |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ Ba ngày 9 tháng 1 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 2: Chính tả**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**: - Lập được bảng thống kê các bài tập đọc trong chủ điểm *Vì hạnh phúc con người* theo yêu cầu cảu BT2

- Biết trình bày cảm nhận về cái hay của một số câu thơ theo yêu cầu của BT3.

- Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

- Yêu thích môn học.

**2. Năng lực:**  Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: + Phiếu viết tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học

+ Bảng nhóm kẻ theo mẫu SGK

- Học sinh: Sách giáo khoa

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)**  - Cho HS hát  - GV nêu mục đích yêu cầu tiết học.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động kiểm tra tập đọc và HTL:(15 phút)**  *\*Mục tiêu* : Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.  *\*Cách tiến hành:*  - Tổ chức cho HS lên bốc thăm bài tập đọc hoặc học thuộc lòng.  - Gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi nội dung bài theo yêu cầu trong phiếu.  - GV đánh giá | + HS lên bốc thăm bài đọc.  + HS đọc và trả lời câu hỏi theo phiếu trước lớp. |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành: *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:*  - Lập được bảng thống kê các bài tập đọc trong chủ điểm *Vì hạnh phúc con người* theo yêu cầu cảu BT2.  - Biết trình bày cảm nhận về cái hay của một số câu thơ theo yêu cầu của BT3.  *\*Cách tiến hành:*  **Bài 2: HĐ Nhóm**  - HS đọc yêu cầu  - Cho HS lập bảng:  + Thống kê các bài tập đọc như thế nào?  + Cần lập bảng gồm mấy cột?  +Cần lập bảng gồm mấy dòng ngang...  - Tổ chức cho học sinh làm bài theo nhóm  - Đại diện các nhóm trình bày và tranh luận với các nhóm khác.  + GV theo dõi, nhận xét và đánh giá kết luận chung.  **Bài 3: HĐ nhóm**  - Gọi học sinh nêu tên hai bài thơ đã học thuộc lòng thuộc chủ điểm  - Gọi học sinh đọc thuộc lòng bài thơ và nêu những câu thơ em thích.  - Cho HS thảo luận nhóm  + Trình bày cái hay, cái đẹp của những câu thơ đó (Nội dung cần diễn đạt, cách diễn đạt)  - Thuyết trình trước lớp. | - Lập bảng thống kê các bài thơ đã học trong chủ điểm *Vì hạnh phúc con người*.  + HS thảo luận nhóm: Lập bảng thống kê các bài thơ đã học trong các giờ tập đọc  + Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.  - HS nêu tên  - Học sinh đọc hai bài thơ đã học thuộc lòng trong chủ điểm:  *+ Hạt gạo làng ta*  *+ Về ngôi nhà đang xây.*  - HS thảo luận nhóm đôi thực hiện yêu cầu bài tập và trình bày trước lớp. |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)**  - Cho HS đọc diễn cảm một đoạn thơ, đoạn văn mà em thích nhất.  - Về nhà luyện đọc các bài thơ, đoạn văn cho hay hơn, diễn cảm hơn. | - HS đọc  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Toán**

**DIỆN TÍCH HÌNH TAM GIÁC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

***1. Kiến thức****:-* Biết tính diện tích hình tam giác.

**-** Rèn kĩ năng tính diện tích hình tam giác.

- HS làm bài 1.

***2. Năng lực:***  Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

***3. Phẩm chất:***Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa; máy soi

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở, 2 hình tam giác bằng nhau.

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS thi nêu nhanh đặc điểm của hình tam giác.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(20phút)**  *\*Mục tiêu:*Biết tính diện tích hình tam giác  *\*Cách tiến hành****:***  - GV giao nhiệm vụ cho HS:  + Lấy một hình tam giác  + Vẽ một đường cao lên hình tam giác đó  + Dùng kéo cắt thành 2 phần  + Ghép 2 mảnh vào tam giác còn lại  + Vẽ đường cao EH  \* *So sánh đối chiếu các yếu tố hình học trong hình vừa ghép*  - Yêu cầu HS so sánh  + Hãy so sánh chiều dài DC của hình chữ nhật và độ dài đáy DC của hình tam giác?  + Hãy so sánh chiều rộng AD của hình chữ nhật và chiều cao EH của hình tam giác?  + Hãy so sánh DT của hình ABCD và EDC  *\* Hình thành quy tắc, công thức tính diện tích hình chữ nhật*  - Như chúng ta đã biết AD = EH thay EH cho AD thì có DC x EH  - Diện tích của tam giác EDC bằng nửa diện tích hình chữ nhật nên ta có (DCxEH): 2 Hay )  + DC là gì của hình tam giác EDC?  + EH là gì của hình tam giác EDC?  + Vậy muốn tính diện tích của hình tam giác chúng ta làm như thế nào?  - GV giới thiệu công thức | - Học sinh lắng nghe và thao tác theo  h  1  2  A  E  C  H  D  B  *h*  - HS so sánh  - Độ dài bằng nhau  + Bằng nhau  + Diện tích hình chữ nhật gấp 2 lần diện tích tam giác (Vì hình chữ nhật bằng 2 lần tam giác ghép lại)  - HS nêu diện tích hình chữ nhật ABCD là DC x AD  + DC là đáy của tam giác EDC.  + EH là đường cao tương ứng với đáy DC.  - Chúng ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao rồi chia cho 2.  S: Là diện tích  a: là độ dài đáy của hình tam giác  h: là độ dài chiều cao của hình tam giác |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành:**  ***(10 phút)***  *\*Mục tiêu:* HS cả lớp làm bài tập 1.  *\*Cách tiến hành:*  **Bài 1: Cá nhân**  - HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS tự làm bài  - GV nhận xét cách làm bài của HS.  - Yêu cầu HS nêu lại cách tính diện tích hình tam giác  **Bài 2(M3,4): Cá nhân**  - Cho HS tự đọc bài rồi làm bài vào vở.  - Gv quan sát, uốn nắn HS  - GV soi bài, chữa | - HS đọc đề, nêu yêu cầu  - HS cả lớp làm vở sau đó chia sẻ kết quả  a) Diện tích của hình tam giác là:  8 x 6 : 2 = 24(cm2)  b) Diện tích của hình tam giác là:  2,3 x 1,2 : 2 = 1,38 (dm2)  - HS tự đọc bài và làm bài, báo cáo kết quả cho GV  a) HS phải đổi đơn vị đo để lấy độ dài đáy và chiều cao có cùng đơn vị đo sau đó tính diện tích hình tam giác.  5m = 50 dm hoặc 24dm = 2,4m  50 x 24: 2 = 600(dm2)  Hoặc 5 x 2,4 : 2 = 6(m2)  b) 42,5 x 5,2 : 2 = 110,5(m2) |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4phút)**  - Cho HS lấy một tờ giấy, gấp tạo thành một hình tam giác sau đó đo độ dài đáy và chiều cao của hình tam giác đó rồi tính diện tích.  - Về nhà tìm cách tính độ dài đáy khi biết diện tích và chiều cao tương ứng. | - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 4: Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:-** Lập được bảng tổng kết vốn từ về môi trường .

- HS HTT nhận biết một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các bài thơ bài văn.

**-** Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .

**-** Yêu thích môn học.

**\*GDBVMT:** Giáo dục HS biết bảo vệ môi trường

**- Năng lực:**

+ Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**- Phẩm chất:** Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu viết tên các bài tập đọc, học thuộc lòng đã học, Bảng nhóm kẻ theo mẫu SGK

- Học sinh: Sách giáo khoa

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS thi kể tên các bài tập đọc thuộc chủ đề: ***Giữ lấy màu xanh***  - Giáo viên nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS thi kể  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động kiểm tra tập đọc hoặc học thuộc lòng:(15 phút)**  *\*Mục tiêu:*Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .  - HS (M3,4) nhận biết một số biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các bài thơ bài văn.  *\*Cách tiến hành****:***  - Tổ chức cho HS lên bốc thăm bài tập đọc hoặc học thuộc lòng.  - Gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi nội dung bài theo yêu cầu trong phiếu.  - GV đánh giá | + HS lên bốc thăm bài đọc.  + HS đọc và trả lời câu hỏi theo phiếu trước lớp. |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành: *(15 phút)***  *\*Mục tiêu:* Lập được bảng tổng kết vốn từ về môi trường .  *\*Cách tiến hành:*  **Bài 2: HĐ Nhóm**  - Lập bảng tổng kết vốn từ về môi trường  - Giúp học sinh hiểu nghĩa một số từ: Sinh quyển, thủy quyển, khí quyển.  - Tổ chức cho học sinh làm bài theo nhóm hoàn thành bảng  - Chia sẻ kết quả | + HS thảo luận nhóm lập bảng  - HS làm bài theo nhóm  - Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận trước lớp. |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm: (4 phút)**  - Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật gì trong câu thơ sau:  *Mặt trờ xuống biển như hòn lửa*  *Sóng đã cài then, đêm sập cửa.*  - Về nhà tìm các câu thơ có sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh và nhân hóa. | - HS nêu: Biện pháp nghệ thuật so sánh |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Chiều***

**Tiết 3: Luyện từ và câu**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** Nghe - viết đúng bài chính tả, viết đúng tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài và các từ ngữ dễ viết sai, trình bày đúng bài Chợ Ta-sken, tốc độ viết khoảng 95 chữ / 15 phút .

**-**Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .

**-** Yêu thích môn học.

**2. Năng lực:**  Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu ghi sẵn tên bài tập đọc và học thuộc lòng, Ảnh minh hoạ người Ta-sken trong trang phục dân tộc.

- Học sinh: Sách giáo khoa

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)**  - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động kiểm tra đọc:(12 phút)**  *\*Mục tiêu:*Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.  *\*Cách tiến hành****:***  - Tổ chức cho HS lên bốc thăm bài tập đọc hoặc học thuộc lòng.  - Gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi nội dung bài theo yêu cầu trong phiếu.  - GV đánh giá | + HS lên bốc thăm bài đọc.  + HS đọc và trả lời câu hỏi theo phiếu trước lớp |
| **3. HĐ viết chính tả: *(20 phút)***  *\*Mục tiêu:*Nghe - viết đúng bài chính tả, viết đúng tên riêng phiên âm tiếng nước ngoài và các từ ngữ dễ viết sai, trình bày đúng bài Chợ Ta-sken, tốc độ viết khoảng 95 chữ / 15 phút  *\*Cách tiến hành:*  a) Tìm hiểu nội dung đoạn văn:  - Gọi HS đọc đoạn văn  - Hình ảnh nào trong bài gây ấn tượng cho em nhất trong cảnh chợ ở Ta-sken ?  b) Hướng dẫn viết từ khó :  - Em hãy tìm từ khó dễ lẫn khi viết chính tả.  - Yêu cầu HS luyện đọc và viết các từ vừa tìm được.  - GV nhận xét chỉnh sửa.  c) Viết chính tả:  - GV đọc cho HS viết bài.  d) Thu, chấm bài. | - 2 HS tiếp nối nhau đọc  - HS nêu  - Ta-sken, trộn lẫn, nẹp, mũ  - HS luyện viết từ khó  - HS viết bài |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:(3 phút)**  - Cho HS nêu quy tắc viết hoa tên riêng nước ngoài.  - Về nhà tìm thêm một số tên riêng nước ngoài và luyện viết thêm. | - HS nêu: Viết hoa chữ cái đầu mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó.  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 6: Tiếng Việt ( bổ sung)**

**ÔN TẬP LÀM VĂN**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

***1. Kiến thức***: Củng cố và mở rộng kiến thức cho học sinh về văn tả người.

***2. Kĩ năng***: Rèn kĩ năng luyện tập, thực hành một số bài tập củng cố và nâng cao.

***3. Thái độ***: Yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- Máy tính,ti vi. Phiếu bài tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động rèn luyện của giáo viên*** | ***Hoạt động học tập của học sinh*** |
| **1. Hoạt động khởi động (5 phút):**  - Ổn định tổ chức.  - Giới thiệu nội dung rèn luyện.  **2. Các hoạt động rèn luyện:**  ***a. Hoạt động 1: Giao việc (5 phút):***  - Giáo viên giới thiệu các bài tập trên bảng phụ. yêu cầu học sinh trung bình và khá tự chọn đề bài.  - Giáo viên chia nhóm theo trình độ.  - Phát phiếu luyện tập cho các nhóm.  ***b. Hoạt động 2: Thực hành ôn luyện (20 phút):***  **Bài 1.**Trong bài thơ “Trong lời mẹ hát” của nhà thơ Trương Nam Hương có đoạn:  Thời gian chạy qua tóc mẹ  Một màu trắng đến nôn nao  Lưng mẹ cứ còng dần xuống  Cho con ngày một thêm cao.  Theo em, đoạn thơ trên đã bộc lộ những cảm xúc và suy nghĩ gì của tác giả?  ..........................................................................................................................................  ..........................................................................................................................................  ..........................................................................................................................................  ..........................................................................................................................................  ..........................................................................................................................................  Bài 2. Lập dàn ý cho bài văn tả người theo một trong hai đề bài sau :  a) Tả một chú công an mà em đã gặp. (Gợi ý: có thể tả chú công an giao thông đã chỉ huy xe cộ đi lại ở ngã ba, ngã tư; tả chú công an hộ khẩu hay đến nhà em; tả chú công an thường thăm hỏi bà con ở thôn làng em,...)  b) Tả một người hàng xóm. (Gợi ý: có thể tả bác hàng xóm bên nhà em; tả một bạn cùng lứa tuổi với em ở nhà bên cạnh; tả một em bé con gia đình ở cạnh phòng em hoặc căn hộ em ở,...)  Tham khảo: Dàn ý chi tiết :  1) Mở bài: Ở khu phố em có chú Nam là cảnh sát giao thông. Chú được mọi người yêu quý.  2) Thân bài :  \* Tả hình dáng :  – Dáng người chú cao dong dỏng.  – Chú thường mặc quân phục cảnh sát giao thông mỗi khi đi làm.  – Khuôn mặt chữ điền.  Bài 3. Đọc đoạn văn sau và cho biết tác giả đã tả hình dáng hay hoạt động của bác thợ rèn? Có gì nổi bật?  “Bác thợ rèn cao lớn, cao lớn nhất vùng, vai cuộn khúc, cánh tay rám đen khói lửa và bụi búa sắt. Bác có đôi mắt lọt trong khuôn mặt vuông vức; dưới rừng tóc rậm dày, đôi mắt trẻ, to, xanh, trong ngời như thép. Quai hàm bạnh của bác rung lên như những tràng cười. Những tiếng thở rền vang như ngáy, giống như nhịp thở phì phò của ống bễ.”  c. Hoạt động 3: Sửa bài (10 phút):  - Yêu cầu các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.  3. Hoạt động nối tiếp (3 phút):  - Yêu cầu học sinh tóm tắt nội dung rèn luyện.  - Nhận xét tiết học. Nhắc học sinh chuẩn bị bài. | - Hát  - Lắng nghe.  - Học sinh quan sát và chọn đề bài.  - Học sinh lập nhóm.  - Nhận phiếu và làm việc.  **Gợi ý**  Đoạn thơ bộc lộ những cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về người mẹ. Hình ảnh mái tóc mẹ bạc trắng theo thời gian khiến cho tác giả cảm thấy xúc động đến nôn nao. Thông qua hình ảnh đối lập: “*Lưng mẹ cứ còng dần xuống / Cho con ngày một thêm cao*”, tác giả muốn bộc lộ lòng biết ơn của mình đối với mẹ. Cả cuộc đời mẹ đã làm lụng vất vả, nỗi vất vả đã làm trĩu còng lưng mẹ. Lưng mẹ càng còng, con càng lớn thêm lên. Viết ra được những dòng thơ chan chứa tình cảm đó chứng tỏ tác giả rất thấu hiểu nỗi gian truân, vất vả của mẹ. Qua đó, ta cũng thấy tình cảm của tác giả dành cho mẹ cũng thật là đẹp đẽ, thật là sâu đậm.  – Nước da ngăm đen do sạm nắng vì công việc.  – Nụ cười tươi, hàm răng đều, trắng bóng  \* Tả tính tình và hoạt động :  – Chú làm nhiệm vụ giữ trật tự an toàn giao thông ở nút ngã tư Đại Cồ Việt – Kim Liên. Đó là nơi có mật độ người tham gia giao thông rất đông, tình hình giao thông rất phức tạp. Vậy mà chú không hề tỏ ra lúng túng, chú luôn bình tĩnh điều khiển cho người và xe cộ đi đúng làn đường. Nhìn chú làm việc thật vất vả.  – Chú là người thân thiện, dễ gần ; chú thường chào hỏi mọi người ; giúp đỡ những gia đình neo người ở xóm.  – Chú thường đá bóng với các bạn nhỏ trong xóm.  3) Kết bài: Cả xóm em, ai cũng yêu quý chú Nam.  Đáp án  - Tả ngoại hình của bác thợ rèn.  - Cả vóc dáng, đôi vai, đôi mắt, quai hàm, tiếng thở,… đều nổi bật.  - Các nhóm trình bày, nhận xét, sửa bài.  - Học sinh phát biểu. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ Tư ngày 10 tháng 1 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 1: Kể chuyện**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 5)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức: -** Viết được lá thư gửi người thân đang ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của bản thân trong HKI, đủ 3 phần (phần đầu thư, phần chính và phần cuối thư), đủ nội dung cần thiết.

**-** Rèn kĩ năng viết thư cho người thân.

**-** Yêu quý, trân trọng tình cảm gia đình.

**2. Năng lực:**  Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, giấy viết th­ư.

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động GV** | | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)**  - Cho HS hát  - Cho HS nêu bố cục của một bức thư  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở | |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)**  *\* Mục tiêu:*Viết được lá thư gửi người thân đang ở xa kể lại kết quả học tập, rèn luyện của bản thân trong HKI, đủ 3 phần (phần đầu thư, phần chính và phần cuối thư), đủ nội dung cần thiết.  *\* Cách tiến hành:*  - Một vài học sinh đọc yêu cầu bài  - Đề bài yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS đọc gợi ý.  - GV lưu ý HS: viết chân thực, kể đúng những thành tích cố gắng của em trong học kì I vừa qua, thể hiện đ­ược tình cảm với người thân.  - Yêu cầu HS làm bài  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét | | - Cả lớp theo dõi trong SGK.  - HS nêu  - 2 HS đọc  - Học sinh viết th­ư.  - Học sinh nối tiếp đọc lại th­ư đã viết.  - HS khác nhận xét |
| **3.Hoạt động vậndụng, trải nghiệm:(3 phút)**  - Cấu tạo một bức thư gồm mấy phần ? Đó là những phần nào ?  - Về nhà luyện viết lại bức thư cho hay hơn. | | - HS nêu: Cấu tạo một bức thư gồm có 3 phần: phần đầu thư, phần chính và phần cuối thư.  - HS nghe và thực hiện. |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 2: Toán**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Biết tính diện tích hình tam giác

- Tính diện tích hình tam giác vuông biết độ dài 2 cạnh vuông góc.

**-** Rèn kĩ năng tính diện tích của hình tam giác thường và tam giác vuông.

**-** Học sinh làm bài 1, 2, 3.

**2. Năng lực:**

- Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, máy soi

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS thi nêu các tính diện tích hình tam giác.  - GV nhận xét, tuyên dương  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS thi nêu  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(28phút)**  *\* Mục tiêu:*  - Biết tính diện tích hình tam giác  - Tính diện tích hình tam giác vuông biết độ dài 2 cạnh vuông góc .  - Học sinh làm bài 1, 2, 3 .  *\* Cách tiến hành:*  **Bài 1: Cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc đề  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - Cho HS chia sẻ kết quả trước lớp.  - Yêu cầu HS nêu lại cách tính diện tích hình tam giác.  - GV chốt lại kiến thức.  **Bài 2: Cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc đề  - GV vẽ hình lên bảng  - Yêu cầu HS tìm các đường cao tương ứng với các đáy của hình tam giác ABC và DEG.  - Hình tam giác ABC và DEG trong bài là hình tam giác gì ?  - **KL:** Trong hình tam giác vuông hai cạnh góc vuông chính là đường cao của tam giác  **Bài 3: Cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc đề  - Yêu cầu HS làm bài và chia sẻ trước lớp.  - GV kết luận  **Bài 4(M3,4): Cá nhân**  - Cho HS tự làm bài vào vở  - GV hướng dẫn nếu cần thiết.  - Soi bài, chữa | - HS đọc đề bài  - HS làm vở sau đó chia sẻ trước lớp  a) S = 30,5 x 12 : 2 = 183 (dm2)  b) 16dm = 1,6m  S = 1,6 x 5,3 : 2 = 4,24(m2)  - HS đọc đề  - HS quan sát  - HS trao đổi với nhau và nêu  + Đường cao tương ứng với đáy AC của hình tam giác ABC chính là BA  + Đường cao tương ứng với đáy ED của tam giác DEG là GD.  + Đường cao tương ứng với đáy GD của tam giác DEG là ED  - Là hình tam giác vuông  - HS đọc đề  - HS tự làm bài vào vở sau đó chia sẻ cách làm.  - Cho HS tự đọc bài và làm bài vào vở.  Báo cáo kết quả cho GV |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm**: (3 phút)  - Cho HS tính diện tích của hình tam giác có độ dài đáy là 18dm, chiều cao 3,5m.  - Về nhà tìm cách tính chiều cao khi biết diện tích và độ dài đáy tương ứng. | - HS tính:  S = 18 x 35 = 630(dm2)  Hay: S = 1,8 x 3,5 = 6,3(m2)  - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 3: Tập đọc**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (Tiết 6)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:-** Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng/ phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn.

- Đọc bài thơ và trả lời được các câu hỏi của BT2 .

**-** Rèn kĩ năng phân biết nghĩa gốc, nghĩa chuyển của từ Tiếng Việt.

**-** Biết giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**2. Năng lực:**  Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có tinh thần và trách nhiệm trong học tập, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, Phiếu ghi tên các bài tập đọc, máy tính,ti vi

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở viết

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, thực hành, thảo luận nhóm.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật trình bày một phút, động não.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)**  - Cho HS thi đọc thuộc lòng một bài thơ mà HS thích.  - GV nhận xét.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS thi đọc  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động kiểm tra đọc:**  **(15 phút)**  *\*Mục tiêu:*Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng / phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .  *\*Cách tiến hành****:***  - Yêu cầu HS lên bảng gắp phiếu bài học  - Yêu cầu HS đọc bài  - GV nhận xét | - HS gắp thăm và trả lời câu hỏi  - HS đọc bài  - HS nghe |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành:**  ***(15 phút)***  *\*Mục tiêu:* Đọc bài thơ và trả lời được các câu hỏi của BT2  *\*Cách tiến hành:*  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS tự làm bài cá nhân  - Yêu cầu HS trình bày bài  a. Tìm trong bài thơ một từ đồng nghĩa với từ biên cương?  b. Trong khổ thơ 1 các từ *đầu* và *ngọn* được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?  c. Có những đại từ xưng hô nào được dùng trong bài thơ?  d. Viết một câu miêu tả hình ảnh mà câu thơ *Lúa lượn bậc thang mây* gợi ra cho em.  - GV nhận xét, kết luận | - HS đọc yêu cầu đề  - HS làm bài cá nhân trên phiếu, chia sẻ kết quả  - Từ biên giới  - Nghĩa chuyển  - Đại từ xưng hô *em* và *ta*  - Viết theo cảm nhận |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (4 phút)**  - Tìm đại từ trong câu thơ sau:  *Cái cò, cái vạc, cái nông*  *Sao mày giẫm lúa nhà ông hỡi cò*  *Không, không, tôi đứng trên bờ*  *Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi.*  - Về nhà viết một đoạn văn ngắn nói về một người bạn thân trong đó có sử dụng đại từ. | - HS nêu: Đại từ là *ông, tôi*  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

***Chiều***

**Tiết 5: Thể dục**

**SƠ KẾT HỌC KÌ I**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:**

- Biết thực hiện được tương đối tốt các nội dung ĐHĐN, bài thể dục phát triển chung, bài tập RLKNVĐCB do Gv yêu cầu trong giờ học

**2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực**

**2.1.** Phát triển các năng lực:

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực thể chất

**2.2.** Phát triển các phẩm chất:

- Phẩm chất trung thực, phẩm chất chăm chỉ

**II. ĐỊA ĐIỂM, PHƯƠNG TIỆN**

- Địa điểm: sân trường.

- Phương tiện: còi...

- Dự kiến PP: quan sát, làm mẫu, luyện tập…

**III. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP LÊN LỚP**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Định lượng** | **Phương pháp - tổ chức** |
| ***A. Phần mở đầu:***  **a) Nhận lớp phổ biến nội dung, yêu cầu.**  **b) Khởi động:**  - Chạy nhẹ nhàng xung quanh sân.  - Ôn đội hình đội ngũ.  - Xoay các khớp.  - Trò chơi "*Dẫn bóng*"  ***B. Phần cơ bản:***  **a) Ôn đi đều vòng phải, vòng trái**  **b) Chơi trò chơi: Chạy tiếp sức theo vòng tròn**  - Nhắc lại cách chơi.  ***C. Phần kết thúc:***  - Đứng tại chỗ thả lỏng  - Hệ thống lại bài  - Giáo viên nhận xét, giao bài tập về nhà. | **6 - 8’**  1 - 2’  4 - 6’  **18 – 22’**  8 - 10’  3-4 lần  6 – 8’  **3 – 5’** | GV  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  🚺🚹🛊🛉🚺🚹  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  GV  🚹🚹🛊🛉🚹🚹⮵  🚺🚹🛊🛉🚺🚹  🚹🚹🛊🛉🚹🚹⮷  GV  🚹  🛊🛉🚹  🚺🚹🛊  🛊🛉🚹  GV  🚹🚹🛊🛉🚹🚹  🚺🚹🛊🛉🚺🚹  🚹🚹🛊🛉🚹🚹 |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Thứ Năm ngày 11 tháng 1 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 1: Tập làm văn**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I (Tiết 7)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức::-** Đọc trôi chảy, lưu loát bài tập đọc đã học, tốc độ khoảng 110 tiếng/ phút; biết đọc diễn cảm đoạn thơ, đoạn văn; thuộc 2-3 bài thơ, đoạn văn dễ nhớ; hiểu nội dung chính, ý nghĩa cơ bản của bài thơ, bài văn .

- Đọc bài văn và trả lời được các câu hỏi.

- Củng cố về từ trái nghĩa, từ nhiều nghĩa, quan hệ từ.

**2. Năng lực:**  Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**-** Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức và trách nhiệm, cẩn thận, tỉ mỉ làm bài.

**II. ĐỀ BÀI**

**PHẦN A: KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm)**

**A. Đọc thành tiếng: (3 điểm)**

HS bắt thăm đọc một đoạn (bài) trong SGK Tiếng Việt 5 tập 1 và trả lời 1 câu hỏi nội dung do GV nêu.

**B. Đọc hiểu: (7 điểm)**

**Đọc thầm bài văn sau:**

**TRIỀN ĐÊ TUỔI THƠ**

Tuổi thơ tôi với con đê sông Hồng gắn liền như hình với bóng, tựa hai người bạn thân thiết suốt ngày quấn quýt bên nhau. Từ lúc chập chững biết đi, mẹ đã dắt tôi men theo bờ cỏ chân đê. Con đê thân thuộc đã nâng bước, đầu dắt và tôi luyện cho những bước chân của tôi ngày một chắc chấn để tự tin lớn lên, tự tin bước vào đời. Chẳng riêng gì tôi, mà hầu hết những đứa nhỏ sinh ra ở trong làng đều coi con đê là bạn. Chúng cũng nô đùa, chơi trò đuổi bắt, chơi ô ăn quan trên đê mỗi khi bố mẹ vắng nhà ra đồng, ra bãi làm việc. Tuổi học trò, cứ sáng cắp sách đến trường, chiều về lại lùa tất cả trâu, bò lên đê cho chúng gặm cỏ và tha hồ vui chơi đợi khi hoàng hôn xuống trở về làng. Những đêm trăng thanh gió mát lên đê trải chiếu nằm đếm sao trời mới tuyệt và thú làm sao. Tôi nhớ nhất là những đêm Trung thu, người lớn trong làng tổ chúc bày cỗ cho thiếu nhi trên mặt đê rất vui và không khí của lễ hội trẻ em kéo dài tưởng như bất tận...

Năm tháng qua đi, những lối mòn chạy xéo ngoằn ngoèo từ chân lên tới mặt đê đã in dấu biết bao bàn chân của các thế hệ sớm hôm đi về. Đời người ai cũng có nhiều đổi thay qua thời gian, song con đê vẫn gần như nguyên vẹn, vẫn sừng sững chở che bao bọc lấy dân làng tôi cũng như cả một vùng rộng lớn. Những trận lũ lớn đỏ ngầu phù sa hung dữ, con đê lại gồng mình lên để không chỉ bảo vệ cho tính mạng con người, gia súc mà còn bảo vệ cả mùa màng...

*Theo* NGUYÊN HOÀNG ĐẠI

**Câu 1. (0,5đ)** Hình ảnh nào ở làng quê gắn bó thân thiết với tác giả như hình với bóng?

A. Con đê B. Đêm trăng thanh gió mát C. Tết Trung thu.

**Câu 2.(0,5đ)** Tại sao tác giả coi con đề là bạn?

A. Vì trên con đê này, trẻ em trong làng nô đùa, đuổi bắt, chơi ô ăn quan, chăn trâu, nằm đếm sao trời, bày cỗ Trung thu.

B. Vì con đê đã ngăn nước lũ cho dân làng.

C. Vì ai vào làng cũng phải đi qua con đê.

**Câu 3. (0,5đ)** Hình ảnh con đê được tác giả tả như thế nào ?

a. Sừng sững chở che bao bọc lấy dân làng

b. Quanh co uốn lượn theo sườn núi.

c. Tạo thành một đường viền như sợi chỉ mỏng mảnh quanh làng.

**Câu 4. (0,5đ)** Tại sao tác giả cho rằng con đê “che chở, bao bọc lấy dân làng tôi cũng như cả một vùng rộng lớn”?

A. Vì con đê đã nâng bước, diu dắt, tôi luyện cho những bước chân của tác giả ngày một chắc chắn để tự tin lớn lên, tự tin bước vào đời.

B. Vì những đêm tết Trung thu, người lớn trong làng tổ chức bày cỗ cho thiếu nhi trên mặt đê rất vui.

C. Vì trong những trận lũ lớn đỏ ngầu phù sa hung dữ, con đê đã bảo vệ tính mạng con người, gia súc, mùa màng

**Câu 5. (1)** Em hãy nêu nội dung chính của bài văn ?

…………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**Câu 6**. **(0,5đ)** Từ “chúng” trong câu “Chúng cũng nô đùa, chơi trò đuổi bắt, chơi ô ăn quan trên đê mỗi khi bố mẹ vắng nhà ra đồng, ra bãi làm việc.” chỉ những ai?

A. Trẻ em trong làng B. Tác giả C. Trẻ em trong làng và tác giả

**Câu 7**. **(0,5đ)** Từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ “tuổi thơ”?

A. Trẻ em B. Thời thơ ấu C. Trẻ con.

**Câu 8(1đ)** Dòng nào sau đây là từ đồng âm?

1. Cậu ấy ngồi ngày đầu *bàn*./ Việc này cần phải *bàn* cụ thể hơn nữa.
2. Con gà trống nặng hơn ba *cân*./ Hai đội bóng quả là *cân* sức *cân* tài.
3. Bác thợ *đóng* đinh vào chiếc bàn./ Anh Ba *đóng* quân tận biên giới

**Câu 9: (1đ):** Đặt câu có cặp quan hệ từ biểu thị quan hệ tăng tiến.

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Câu 10: (1đ):Em hãy tìm 2 câu thành ngữ hoặc tục ngữ nói về tình cảm gia đình. Đặt câu với 1 thành ngữ vừa tìm được.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 2: Toán**

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** - Giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong số thập phân.

- Tìm tỉ số phần trăm của 2 số.

- Làm các phép tính với số thập phân .

- Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.

**-** Rèn kĩ năng thực hiện các phép tính với số thập phân.

**-** Học sinh làm: Phần 1; Phần 2 : Bài 1, 2.

**2. Năng lực:**  Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, máy soi

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(3 phút)**  - Cho HS hát  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động thực hành:(30 phút)**  *\* Mục tiêu:*Biết:  - Giá trị theo vị trí của mỗi chữ số trong số thập phân.  - Tìm tỉ số phần trăm của 2 số.  - Làm các phép tính với số thập phân .  - Viết số đo đại lượng dưới dạng số thập phân.  - Học sinh làm: Phần 1; Phần 2 : Bài 1, 2.  *\* Cách tiến hành:*  ***Phần 1:****Hãy khoanh vào trư­ớc những câu trả lời đúng.*  **Bài 1: Cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - Cho học sinh tự làm.  - Giáo viên gọi học sinh trả lời miệng.  - Nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS giải thích  **Bài 2: Cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - Cho học sinh tự làm  - GV nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS giải thích tại sao  **Bài 3: Cá nhân**  - Gọi HS nêu yêu cầu  - Giáo viên cho học sinh tự làm bài  - GV nhận xét, chữa bài. Yêu cầu HS giải thích  ***Phần 2:***  **Bài 1: Cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài vào vở  - Giáo viên gọi học sinh lên chia sẻ kết quả và nêu cách tính.  - Giáo viên nhận xét kết luận  **Bài 2: Cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS làm bài  - Soi bài,nhận xét chữa bài.  **Bài 3(M3,4): Cá nhân**  - Cho HS đọc bài và tự làm bài vào vở.  - Gv quan sát, uốn nắn HS  - GV soi bài, chữa | - HS đọc  - Học sinh làm bài rồi chữa  + Chữ số 3 trọng số thập phân 72, 364 có giá trị là: B.  - Cả lớp đọc thầm  - Học sinh làm bài rồi trả lời miệng.  Tỉ số % của cá chép và cá trong bể là:  C. 80%  - HS nêu  - Học sinh làm bài rồi trả lời miệng 2800g bằng: C. 2,8 kg  - Đặt tính rồi tính.  - Học sinh tự đặt tính rồi tính kết quả.  - HS chia sẻ kết quả  - Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm  - 1 Học sinh làm bài vào vở, chia sẻ kết quả  a) 8 m 5 dm = … m  b) 8 m2 5 dm2 = 8,05 m2  - HS tự làm bài vào vở, báo cáo kết quả |
| **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:**  **(3 phút)**  - Tìm tỉ số phần trăm của 19 và 25  - Về nhà tính tỉ lệ phần trăm giữa số học sinh nữ và số học sinh nam của lớp em. | - HS tính  - HS nghe và thực hiện |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Chiều***

**Tiết 5: Toán ( bổ sung)**

**LUYỆN TẬP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**

- Rèn kĩ năng giải toán về tỉ số phần trăm

**2. Năng lực:**Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

+ Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Máy tính

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

**1. Khởi động**

**HS chơi trò chơi “ Ai nhanh-Ai đúng”**

Điền dấu thích hợp:

12,5 x 10 ….. 1250 25,8 : 0,1 ………258

**2. Luyện tập**

Bài 1: a. Tìm 13 % của 235

1. Tìm 6,5 % của 245 kg
2. Tìm 70 % của 45,9 km
3. Tìm 9,5 % của 587l

**Bài 2:** Một xưởng may đã dùng hết 545m vải để may quần áo. Trong đó số vải may quần chiếm 40% số vải  may áo. Hỏi số vải may áo là bao nhiêu mét?

Số vải may quần là:

545 x 40 : 100 = 218 (m)

Số vải để may áo là:

545 – 218 = 327 (m)

Đáp số: 327m

**Bài 3:** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 18m, chiều rộng 12m. Người ta dành ra 45% diện tích để xây nhà. Tính phần diện tích đất để xây nhà.

Diện tích mảnh đất là:

18 x 12 = 216 (m2)

Diện tích đất để xây nhà là:

216 x 45 : 100 = 97,2 (m2 )

Đáp số: 97,2 m2

- Hs làm bài – GV cùng HS chữa bài – Chốt kiến thức.

- Nhận xét tiết học.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 7: Đọc sách**

**BÀI 15: ĐỌC NHỮNG TRUYỆN VIẾT VỀ VIỆC LÀM TỐT CỦA**

**THIẾU NHI**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giúp các em chọn được truyện về việc làm tốt của thiếu nhi.

- Chọn đúng sách theo chủ đề, đọc tốt và cảm nhận được nội dung và ý nghĩa câu chuyện.

II. CHUẨN BỊ :

- Giáo viên: Danh mục sách theo chủ đề

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - Hướng dẫn hình thức khởi động.  **2. Giới thiệu bài :** Đọc tài liệu ,sách truyện về việc làm tốt của thiếu nhi.  II- TRONG KHI ĐỌC ( 15’)  **Hoạt động 1: Chọn sách theo chủ đề**  **\*Mục tiêu:** Biết chọn đúng sách theo chủ đề.  **\* Cách tiến hành:**  - Yêu cầu học sinh mở quả táo của nhóm và nêu yêu cầu trước lớp.  - Yêu cầu các em chọn sách  - Hướng dẫn các em giới thiệu sách.  **Hoạt động 2: Thực hành đọc truyện**  **Mục tiêu:** Đọc hết một câu chuyện ngắn – ghi lại đúng tác giả, nội dung câu chuyện.  **\* Cách tiến hành:**  - Nêu yêu cầu đọc truyện cùng những nhiệm vụ sau:  + Đọc hết tài liệu, sách, truyện  + Ghi lại tên truyện, tác giả, nhân vật chính, nội dung mà các em nghĩ là quan trọng của câu chuyện vào sổ tay, hoặc trên sơ đồ mạng.  III- SAU KHI ĐỌC ( 10’)  **Hoạt động 1: Báo cáo nội dung**  **\*Mục tiêu:** Biết trao đổi những cảm nhận sau khi đọc truyên trong nhóm, trước lớp.  **\* Cách tiến hành:**  - Giới thiệu trong nhóm  - Giới thiệu trước lớp  - Hướng dẫn các em giới thiệu những ghi về câu chuyện của mình với các bạn:  \* Giới thiệu trong nhóm  - Hướng dẫn nhận xét  - Nhận xét chung  **Họat động 2: Tổng kết**  - Qua tiết đọc này các em thấy được điều gì về thếu nhi? | - HS: khởi động  - Chọn sách theo chủ đề về việc làm tốt của thiếu nhi.  - Tiến hành đến giá chọn sách (cá nhân)  - Giới thiệu sách đã chọn  - Tiến hành đọc truyện  - Ghi những cảm nhận vào sổ tay. Hoặc sử dụng sơ đồ mạng đối với nhóm đọc cùng một truyện.  \* Tên truyện – tác giả  \* Nhân vật chính  \* Nội dung quan tâm trong câu chuyện  \* Đại diện nhóm trình bày trong nhóm  - Nhận xét nội dung giới thiệu của bạn  \* Đại diện nhóm trình bày trước lớp  - 1-3 HS nêu |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Thứ Sáu ngày 12 tháng 1 năm 2024**

***Sáng***

**Tiết 2: Toán**

**HÌNH THANG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức:** - Có biểu tượng về hình thang .

- Nhận biết được một số đặc điểm của hình thang, phân biệt được hình thang với các hình đã học .

- Nhận biết hình thang vuông .

**-** Rèn kĩ năng quan sát, nhận biết các hình thang khác nhau.

- Học sinh làm bài 1, 2, 4 .

**2. Năng lực:**  Năng tư chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực mô hình hoá toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực giao tiếp toán học, năng lực sử dụng công cụ và phương tiện toán học.

**3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực, có trách nhiệm với toán học và cẩn thận khi làm bài, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Đồ dùng**

- Giáo viên: Sách giáo khoa, giấy, thước, 4 thanh nhựa, máy soi

- Học sinh: Sách giáo khoa, vở

**2. Phương pháp và kĩ thuật dạy học**

- Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, trò chơi học tập.

- Kĩ thuật đặt câu hỏi, trình bày một phút, tia chớp, động não

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **1. Hoạt động mở đầu:(5phút)**  - Cho HS thi đua nêu đặc điểm của hình tam giác, đặc điểm của đường cao trong tam giác, nêu cách tính diện tích tam giác.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS nêu  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:(15 phút)**  *\*Mục tiêu:*  - Có biểu tượng về hình thang .  - Nhận biết được một số đặc điểm của hình thang, phân biệt được hình thang với các hình đã học .  - Nhận biết hình thang vuông.  *\*Cách tiến hành****:***  *\*Hình thành biểu tượng về hình thang*  - GV vẽ lên bảng *"cái thang"*  - Hãy tìm điểm giống nhau giữa cái thang và hình ABCD  - GV: Vậy hình ABCD giống cái thang được gọi là hình thang.  *\* Nhận biết một số đặc điểm của hình thang.*  - Cho HS thảo luận nhóm 4, nhận biết đặc điểm của hình thang, chẳng hạn như:  + Hình thang ABCD có mấy cạnh?  + Các cạnh của hình thang có gì đặc biệt?  + Vậy hình thang là hình như thế nào?  + Hãy chỉ rõ các cạnh đáy, các cạnh bên của hình thang ABCD  - GVKL : Cạnh AB gọi là cạnh đáy bé, cạnh CD gọi là đáy lớn  - GV kẻ đường cao AH của hình thang ABCD  + AH gọi là đường cao. Độ dài AH gọi là chiều cao.  + Đường cao AH vuông góc với 2 đáy AB và CD  - Yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm của hình thang | - HS quan sát  - Hình ABCD giống như cái thang nhưng chỉ có 2 bậc  - HS thảo luận, chia sẻ trước lớp  - Hình thang ABCD có 4 cạnh là AB, BC, CD, DA.  - 4 cạnh, có 2 cạnh song song với nhau  - Hình thang là hình có 4 cạnh trong đó có 2 cạnh song song với nhau  - Hai cạnh đáy AB và DC song song với nhau.  - Hai cạnh bên là là AD và BC  - HS quan sát  - HS nhắc lại |
| **3. HĐ luyện tập, thực hành:**  ***(15 phút)***  *\*Mục tiêu* Học sinh làm bài 1, 2, 4.  *\*Cách tiến hành:*  **Bài 1: Cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài, chia sẻ kết quả  - Soi bài ,nhận xét, kết luận  - Vì sao H3 không phải là hình thang?  **Bài 2: Cá nhân**  - HS đọc yêu cầu  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét, kết luận  - Trong 3 hình, hình nào có 4 cạnh, 4 góc ?  - Hình nào có 2 cặp cạnh đối diện// ?  - Hình nào có 4 góc vuông?  - Trong 3 hình hình nào là hình thang  **Bài 4: Cặp đôi**  - GV vẽ hình, cho HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:  - Đọc tên hình trên bảng?  - Hình thang ABCD có những góc nào là góc vuông ?  - Cạnh bên nào vuông góc với 2 đáy?  - GV kết luận: Đó là hình thang vuông.  **Bài 3(M3,4): Cá nhân**  - Cho HS tự đọc bài và làm bài  - GV quan sát, giúp đỡ khi cần thiết. | - HS đọc đề  - HS tự làm bài vào vở, chia sẻ kết quả  - Các hình thang là H1, H2, H4, H5, H6  - Vì H3 không có cặp cạnh đối diện song song  - HS đọc đề  - HS làm bài vào vở, chia sẻ kết quả  - Cả ba hình đều có 4 cạnh, 4 góc  - H1 và H2 có 2 cặp cạnh đối diện//, còn H3 chỉ có một cặp cạnh đối diện //  - Hình 1  - H3 là hình thang  - HS quan sát và trả lời câu hỏi  - Hình thang ABCD  - Có góc A và góc B là 2 góc vuông  - Cạnh bên AD vuông góc với đáy AB và DC  - HS nghe  - HS đọc bài và làm bài  - HS thực hiện |
| **4. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (3 phút)**  - Cho HS luyện tập vẽ hình thang vào vở nháp, nêu đáy lớn, đáy bé của hình thang đó.  - Về nhà so sánh điểm giống và khác nhau giữa hình thang và hình chữ nhật. | - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**Tiết 3: Tập làm văn**

**ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 (Tiết 8)**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

**1. Kiến thức**: - Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS trong học kì 1.

- Rút kinh nghiệm cho việc dạy học môn Tiếng Việt cho HS lớp 5 trong học kì II.

**2. Năng lực:**  Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**-** Năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**3. Phẩm chất:** Có ý thức và trách nhiệm, cẩn thận, tỉ mỉ, sử dụng từ ngữ chính xác.

**II. ĐỀ BÀI**

**I. Tập làm văn**

**Đề bài:**Tả người mẹ kính yêu của em.

**II. BIỂU ĐIỂM:**

Học sinh viết được bài văn tả người có đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài theo yêu cầu, viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ đúng, từ ngữ có hình ảnh, gợi tả, gợi cảm, không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, sáng tạo: 10 điểm.

Tùy theo mức độ bài làm của học sinh, GV có thể chia điểm để chấm theo dàn ý sau:

a. Mở bài: (1 điểm)

Giới thiệu về mẹ của em

b. Thân bài: (8 điểm)

\* Tả hình dáng của mẹ

- Vóc dáng, khuôn mặt, mái tóc,… của mẹ có gì đặc biệt,…?

\* Tả tính tình, hoạt động của mẹ

- Tính tình của mẹ như thế nào? Lời nói, cử chỉ, việc làm của mẹ đối với em, mọi người ra sao?

\* Tình cảm của em với mẹ

c. Kết bài: (1 điểm) Nêu cảm nghĩ và tình cảm của em

- HS làm bài vào giấy, GV theo dõi

- Thu bài, nhận xét tiết học.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Tiết 4: Giáo dục tập thể**

**SINH HOẠT LỚP**

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giúp HS nắm được nội quy của nhà trường, của lớp.

- Giúp HS nhận biết được ưu nhược điểm của mình và của bạn trong tuần qua.

- Giúp HS có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. Hoạt động khởi động:**  **\* Mục tiêu:** Tạo hứng thú học tập  \* Cách tiến hành:  - Gọi lớp trưởng lên điều hành:  **2. Nội dung sinh hoạt:**  - GV nêu các yêu cầu cần thực hiện trong các hoạt động của lớp.  - Giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, lớp trưởng  - Thành lập các đôi bạn cùng tiến.  - Triển khai công tác tuần tới.  - Phát động HS tích cực hưởng ứng phong trào thi đua  ***3. Giáo viên tổng kết***  - GV nhận xét giờ học và tổng kết các phong trào thi đua trong tuần.  - Tuyên dương HS có thành tích nổi bật. | **-** Lớp trưởng lên điều hành:  - Cả lớp cùng thực hiện.  - HS lắng nghe và trả lời.  - Lớp trưởng điều hành các tổ báo cáo ưu và khuyết điểm của các tổ  - HS lắng nghe.  - Lớp trưởng điều hành các tổ thảo luận và báo cáo kế hoạch tuần tới |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_